

Số: 419 /QĐ-CDYT

Gia Lai, ngày 28 tháng 8 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu tiền học lại trình độ cao đẳng và trung cấp chính quy

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ GIA LAI

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-CDYT ngày 21/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai;

- Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-CDYT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Định (nay là Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai) Quyết định quy định về mức thu học phí chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng và trình độ Trung cấp chính quy (theo phương thức đào tạo tín chỉ) đối với các khóa tuyển sinh năm 2023-2024 và 2024-2025;

- Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-CDYT ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai quy định mức thu học phí chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng và Trung cấp chính quy (dành cho các khóa tuyển sinh năm 2025-2026);

- Xét tình hình thực tế của nhà trường và căn cứ biên bản cuộc họp vào ngày 15/8/2025.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Quy định mức thu tiền học lại trình độ cao đẳng và trung cấp chính quy của Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai như sau:

| STT                                              | Ngành học                 | Định mức 01<br>tín chỉ<br>(đồng/tín chỉ) | Mức thu tiền<br>(giảm 70%)<br>(đồng/tín chỉ) | Ghi chú |
|--------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
| <b>Đối với các khóa tuyển sinh năm 2023-2024</b> |                           |                                          |                                              |         |
| <b>1</b>                                         | <b>Trình độ cao đẳng</b>  |                                          |                                              |         |
| 1.1                                              | Dược                      | 582.897                                  | 175.000                                      |         |
| 1.2                                              | Điều dưỡng                | 539.965                                  | 162.000                                      |         |
| <b>Đối với các khóa tuyển sinh năm 2024-2025</b> |                           |                                          |                                              |         |
| <b>1</b>                                         | <b>Trình độ cao đẳng</b>  |                                          |                                              |         |
| 1.1                                              | Dược                      | 585.500                                  | 180.000                                      |         |
| 1.2                                              | Điều dưỡng                | 544.500                                  | 167.250                                      |         |
| 1.3                                              | Xét nghiệm                | 553.000                                  | 169.950                                      |         |
| 1.4                                              | Hộ sinh                   | 595.500                                  | 183.000                                      |         |
| <b>2</b>                                         | <b>Trình độ trung cấp</b> |                                          |                                              |         |
| 2.1                                              | Y sĩ đa khoa              | 459.000                                  | 141.000                                      |         |
| <b>Đối với các khóa tuyển sinh năm 2025-2026</b> |                           |                                          |                                              |         |
| <b>1</b>                                         | <b>Trình độ cao đẳng</b>  |                                          |                                              |         |
| 1.1                                              | Dược                      | 600.000                                  | 180.000                                      |         |
| 1.2                                              | Điều dưỡng                | 557.500                                  | 167.250                                      |         |
| 1.3                                              | Xét nghiệm                | 566.500                                  | 169.950                                      |         |
| 1.4                                              | Hộ sinh                   | 610.000                                  | 183.000                                      |         |
| <b>2</b>                                         | <b>Trình độ trung cấp</b> |                                          |                                              |         |
| 2.1                                              | Y sĩ đa khoa              | 470.000                                  | 141.000                                      |         |

**Điều 2.** Trưởng/Phụ trách các khoa, phòng và sinh viên, học sinh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- HĐT, BGH;
- Như Điều 2;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, TC-KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Lê Vĩ Chinh**